

Bản án số: **888/2017/KDTM-PT**

Ngày: 26/9/2017

V/v: tranh chấp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thu Chinh**.

2. Bà **Biện Thị Hoa**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng Hoa** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 năm 2017 và ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2017/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2017/KDTM-ST ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 582/2017/QĐPT-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ.**

Địa chỉ: Số 34C NKC, ấp 10, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà **Võ Thanh B** (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/6/2017)

Địa chỉ: số 8A/7C1 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải BN.**

Trụ sở: số 32 Tỉnh lộ M, ấp 8, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Mạnh Tr (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/7/2017) và ông Nguyễn Xuân H. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2017).

(Các đương sự có mặt tại Tòa, ông Trọng vắng mặt khi Tòa tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 27/11/2015 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2016 của nguyên đơn là bà Đỗ Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2013, bà Đỗ Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ (sau đây gọi tắt là DNTN Đ) ký Hợp đồng kinh tế với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải BN (sau đây gọi tắt là Công ty Vận tải BN). Theo nội dung của hợp đồng thì DNTN Đ cho Công ty Vận tải BN thuê toàn bộ mặt bằng là các quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 310m², thuộc thửa số 839, tờ bản đồ số 22 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 367251, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ T001584/1a ngày 14/9/2007 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho DNTN Đ. Trên đất có trạm xăng dầu, thiết bị trạm xăng dầu, vật kiến trúc và các tiện ích liên quan khác.

- Quyền sử dụng đất có diện tích 648,5m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số Atheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 483996, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ H01101/03 ngày 28/11/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Đỗ Thị M.

Thời hạn thuê là 10 năm, giá thuê 05 năm đầu là 15.000.000đ/tháng, giá thuê 05 năm tiếp theo là 16.500.000đ/tháng đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Vận tải BN trả tiền thuê đầy đủ cho đến thời điểm vụ kiện được đưa ra xét xử sơ thẩm. Do hoàn cảnh gia đình, Bà Mcần chuyển nhượng khối tài sản đang cho thuê nên DNTN Đ đã gửi Thông báo về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn 03 lần vào các ngày : Ngày 20/5/2015, ngày 27/5/2015 và ngày 10/7/2015. Ngày 25/5/2015, Công ty Vận tải BN có công văn hỏi đáp không đồng ý chấm dứt hợp đồng. Ngày 10/7/2015, DNTN Đ gửi tiếp Thông báo yêu cầu chấm dứt hợp đồng và xác định thanh lý hợp đồng vào ngày 01/10/2015 nhưng Công ty Vận tải BN vẫn không phản hồi nên DNTN Đ đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 01/2013-HTP ngày 01/02/2013 đồng thời buộc Công ty Vận tải BN giao trả mặt bằng trạm xăng dầu. Đối với các công trình trên đất nếu Công ty Vận tải BN có xây dựng, tu bổ thêm, có hóa đơn cụ thể thì DNTN Đ sẽ hoàn trả lại các khoản chi phí. Ngày 19/10/2016, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy thêm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày tháng) đã ký với Công ty Vận tải BN vì hai hợp đồng này được ký kết nhằm mục đích để Công ty Vận tải BN làm thủ tục đặt địa chỉ trụ sở và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: người đại diện theo ủy quyền của DNTN Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời bổ sung yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng kinh tế ngày 01/02/2013 về việc thuê đất; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số

01/HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày, tháng), Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 01/02/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013. Căn cứ đề DNTN Đ yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng nêu trên vô hiệu như sau:

- Đối với Hợp đồng kinh tế ngày 01/02/2013 về việc thuê đất: Ngày 06/02/2013 Công ty Vận tải BN mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và con dấu. Tại thời điểm ký hợp đồng thì Công ty Vận tải BN chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty Vận tải BN ký kết với tư cách pháp nhân, không phải cá nhân ông Nguyễn Văn Trường là Giám đốc là trái với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Đối với 03 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày, tháng); Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 01/02/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013: Cả 03 Hợp đồng ký kết không vì mục đích góp vốn, hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Mục đích của việc ký các hợp đồng là giả cách nhằm che giấu giao dịch thuê mặt bằng và trạm xăng dầu do đó Hợp đồng vi phạm Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo. Các phiếu chuyển tiền chi, thu và sổ sách kế toán của DNTN Đ đều thể hiện nội dung số tiền Công ty Vận tải BN chuyển cho DNTN Đ là để “Thanh toán tiền thuê mặt bằng văn phòng cây xăng”. Sổ sách hạch toán chi tiết của DNTN Đ thông qua Ngân hàng cũng thể hiện Công ty Vận tải BN “Trả tiền thuê mặt bằng văn phòng cây xăng”. Cả 03 Hợp đồng đều có nội dung tương tự nhau, có khác nhau về ngày tháng là do hai bên cùng có giữ hợp đồng không đề ngày tháng nhằm mục đích khi cần thiết bổ sung vào hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải BN – có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Vận tải BN và bà Đỗ Thị M – Chủ DNTN Đ có ký Hợp đồng ngày 01/02/2013 để thuê đất với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Thực hiện Hợp đồng, DNTN Đ đã bàn giao toàn bộ mặt bằng, trạm xăng và các trang thiết bị đi kèm theo như Hợp đồng đã ký cho Công ty Vận tải BN, Công ty Vận tải BN cũng đã thanh toán lần đầu số tiền 360.000.000đ, khi hết hạn thanh toán lần đầu thì hàng tháng vẫn thực hiện thanh toán đúng, đủ số tiền trong hạn thanh toán cho DNTN Đ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng, Công ty Vận tải BN đã cho tiến hành sửa chữa, tổ chức lại hoạt động kinh doanh và dần đi vào ổn định và có lãi. Tuy nhiên trong quá trình kinh doanh, DNTN Đ đòi đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng Công ty Vận tải BN không đồng ý. Ngày 02/11/2015, DNTN Đ đã cho người dựng hàng rào thép gai vây kín cây xăng, không cho Công ty Vận tải BN hoạt động. Công ty Vận tải BN đã nhờ Văn phòng Thừa phát lại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh lập vi bằng ghi nhận lại hiện trạng rào chắn đồng thời cũng gửi công văn tới các cơ quan, chính quyền huyện C biết sự việc. Hành vi rào cây xăng không cho Công ty Vận tải BN hoạt động

kinh doanh đã gây thiệt hại thất thu cho Công ty Vận tải BN khoảng 90.000.000 đồng. Sau khi được Tòa án nhân dân huyện C hòa giải. Ngày 18/12/2015, DNTN Đ đã tháo dỡ hàng rào xung quanh cây xăng và Công ty Vận tải BN hiện đang kinh doanh ổn định cho đến nay.

Công ty Vận tải BN không đồng ý yêu cầu của Nguyên đơn đòi hủy Hợp đồng ngày 01/02/2013 về việc thuê đất. Công ty Vận tải BN yêu cầu DNTN Đ tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi hết hạn hợp đồng.

Công ty Vận tải BN không chấp nhận yêu cầu của DNTN Đ đòi hủy 03 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày, tháng), Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 01/02/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013: Do Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu của DNTN Đ hết thời hạn nhưng DNTN Đ không làm hồ sơ gia hạn nên hai bên phải ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh để Công ty Vận tải BN nộp hồ sơ xin gia hạn đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu. Tuy ngày tháng khác nhau nhưng nội dung của 03 Hợp đồng đều giống nhau. Hai bên cùng thực hiện song song Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013 và Hợp đồng thuê đất ngày 01/02/2013. Sau khi thuê trạm xăng dầu, Công ty Vận tải BN có đầu tư mới 03 trụ bơm xăng đôi có tổng giá trị là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên Công ty Vận tải BN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu tuyên bố các hợp đồng vô hiệu và buộc Công ty Vận tải BN giao trả mặt bằng trạm xăng dầu là có vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu hay không, bởi lẽ tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình Tòa án nhân dân huyện C hòa giải, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu hủy các hợp đồng chứ không yêu cầu tuyên bố các hợp đồng vô hiệu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/KDTM-ST ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 86, Điều 146, Điều 188, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 122, Điều 127, Điều 129, Điều 137, Điều 280, Điều 410, Điều 424, Điều 425 và Khoản 2 Điều 86 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 14 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- Căn cứ vào Điều 16 của Luật Đầu tư năm 2005;
- Căn cứ vào Điều 3 của Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 5 và Khoản 1 Điều 8 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2006;
- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị M – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ.

Tuyên bố Hợp đồng kinh tế không số /2013-HTP ngày 01/02/2013, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày tháng), Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 01/02/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013 vô hiệu.

Hủy Hợp đồng kinh tế không số /2013-HTP ngày 01/02/2013, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 năm 2013 (không đề ngày tháng), Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 01/02/2013 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01HĐHTKD/2013 ngày 30/8/2013.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải BN bàn giao cho bà Đỗ Thị M toàn bộ mặt bằng là quyền sử dụng đất có diện tích 310m², thuộc thửa số 839, tờ bản đồ số 22 theo GCNQSDĐ số AG 367251, số vào sổ cấp GCNQSDĐ T001584/1a ngày 14/9/2007 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho DNTN Đ và Quyền sử dụng đất có diện tích 648,5m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số Atheo GCNQSDĐ số AL 483996, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H01101/03 ngày 28/11/2007 do UBND huyện C cấp cho bà Đỗ Thị M. Trên 02 phần đất đất có các công trình, vật kiến trúc và các vật dụng sau: 03 trụ đôi bơm xăng; 01 nhà kho phía trước có kết cấu mái tole, tường gạch xây tô, nền xi măng (nhìn từ đường Võ Văn Bích vào ở bên trái); 01 nhà sử dụng làm nhà điều hành có kết cấu mái tole có la thông, tường gạch xây tô, nền gạch ceramic; 01 nhà kho phía sau có kết cấu mái lợp tole (một phần), tường xi măng, nền xi măng (nhìn từ đường Võ Văn Bích vào ở bên phải); 01 sân trước có kết cấu mái tole có la thông, nền xi măng (nơi đặt 03 trụ đôi bơm xăng), 01 sân sau có kết cấu nền xi măng;

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 16/3/2017, Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm và không bổ sung chứng cứ.

Bị đơn: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Đơn khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu hủy hợp đồng nhưng tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn bổ sung yêu cầu vô hiệu hợp đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Trong quá trình kinh doanh, Bị đơn đã đầu tư sửa chữa mặt bằng gồm: Sửa 4 trụ cột cây xăng, sửa mái cây xăng, đắp nền 400 m² mặt bằng, sửa nhà kho... chi phí khoảng một tỉ đồng. Bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng và xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu là buộc bị đơn trả lại

đất cho nguyên đơn nhưng không giải quyết các khoản đầu tư của bị đơn là gây thiệt hại cho bị đơn.

Chứng cứ do nguyên đơn bổ sung: Các bản sao của Hóa đơn mua hàng để chứng minh mua vật liệu để sửa chữa mặt bằng.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của Bị đơn còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, Bị đơn có địa chỉ tại Huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

Về tố tụng: Tại hợp đồng thuê đất (không số) ngày 01/02/2013 được ký kết giữa DNTN Đ và Công ty BN thể hiện mục đích ký kết là để Công ty BN thuê quyền sử dụng 2 lô đất gồm: lô đất có diện tích 310m², thuộc thửa số 839, tờ bản đồ số 22 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho DNTN Đ và lô đất có diện tích 648,5m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số Ado Ủy Ban Nhân Dân huyện C cấp cho bà Đỗ Thị M làm mặt bằng kinh doanh xăng dầu. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 483996, số vào sổ cấp GCNQSDĐ H01101/03 ngày 28/11/2007 của Ủy Ban Nhân Dân huyện C thì Quyền sử dụng đất có diện tích 648,5m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số A được cấp cho cá nhân bà Đỗ Thị M. Thời điểm Bà M được cấp quyền sử dụng đất đối với lô đất trên thì Bà M có chồng là ông Trần Văn Đ và hiện vẫn trong tình trạng kết hôn (Nội dung này cũng được người đại diện cho Bà M xác định tại phiên tòa phúc thẩm). Tại Điều 33 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2015 quy định: “ .. Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng trừ trường hợp được thừa kế riêng được tặng cho riêng ...” và tại khoản 3 Điều 33 quy định: “ Trong trường hợp không chứng minh được tài sản mà vợ chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”. Tại Điều 213 và 217 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về sở hữu chung vợ chồng và sử dụng tài sản chung vợ chồng thì vợ chồng có quyền ngang nhau trong việc khai thác công dụng, hưởng hoa lợi từ tài

sản chung. Như vậy, việc Bà M ký hợp đồng cho Công ty Vận tải BN thuê lô đất có diện tích 648,5m², thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số A nêu trên và phát sinh tranh chấp tại Tòa án thì cần thu thập chứng cứ để làm rõ lô đất có tranh chấp là tài sản riêng của Bà M hay tài sản chung của vợ chồng Bà M và ông Đức. Trường hợp lô đất trên là tài sản chung của vợ chồng thì phải triệu tập chồng của Bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án để giải quyết mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ là có thiếu sót về thủ tục tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Đây là tình tiết mới phát sinh mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung. Do vậy căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm mới đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án về vi phạm thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét về nội dung và các yêu cầu kháng cáo khác của Công ty BN.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Vận tải BN. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C, TP. Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải BN được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006208 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM
- TAND Huyện.C;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Chi cục THADS Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Thủy